

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 118/2024/DS-PT

Ngày: 28 - 6 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản; đòi giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất và
bồi thường thiệt hại ngoài
hợp đồng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành; bà Phạm Phong Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Mai - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh
Bình Thuận

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Bà
Trần Thị Kim Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình
Thuận xét xử công khai vụ án thụ lý số 67/2024/TLPT-DS ngày 02/5/2024, về
việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DSST, ngày 29/02/2024 của Tòa án
nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐ-PT, ngày 22 tháng 5
năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị Cẩm V, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu phố A,
phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Châu Tấn V1, sinh
năm 1984; Địa chỉ: Khu phố G, phường P, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:*

1. Ông Phạm Việt Q, sinh năm 1981; Địa chỉ ĐKNKTT: Xóm G, thôn C,
xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Số I, đường V, khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Bà Mai Thị Lệ N, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số I, đường V, khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà Mai Thị Lệ N, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số I, đường V, khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bà Mai Thị Lệ N.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt ông Châu Tấn V1, bà Mai Thị Lệ N; các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Bà Lưu Thị Cẩm V và người đại diện theo ủy quyền – ông Châu Tấn V1, thống nhất trình bày:

Ngày 18/01/2023, vợ chồng ông Phạm Việt Q và bà Mai Thị Lệ N đã đề nghị bà Lưu Thị Cẩm V cho vay số tiền 1.850.000.000đồng, nhằm mục đích thanh toán khoản vay có thể chấp tài sản là nhà và đất, tại ngân hàng N1 – chi nhánh huyện H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A), để ông bà làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng B – Chi nhánh B1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng B) do Ngân hàng B có khả năng cho vay hạn mức cao hơn.

Khi bà V biết được thông tin vợ chồng ông Q đã được Ngân hàng B đồng ý cho vay và đã ký hồ sơ vay vốn, bà V đã đồng ý cho vợ chồng ông Q vay số tiền trên. Sau đó hai bên có nhờ ông Phạm Nguyên K, sinh năm 1989 - là nhân viên Ngân hàng B – Chi nhánh B1) viết giúp Giấy vay tiền đề ngày 18/01/2023, theo đó nội dung vay tiền thể hiện như sau: Bà V cho ông Phạm Việt Q vay số tiền 1.850.000.000đ; Thời hạn vay tiền là hai ngày: ngày 18 và 19/01/2023; Mục đích vay: cá nhân mượn tiền để tất toán khoản vay tại Ngân hàng N2, thế chấp lại Quyền sử dụng đất và căn nhà mới xây tại thửa đất số 254 tờ bản đồ số 11, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 069445 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho bà Mai Thị Lệ N vào ngày 29/4/2021 (sau đây gọi tắt là thửa 254); Bên cho vay là bà V cùng với bên vay tiền có ông Q đại diện vợ chồng ông đã ký tên điểm chỉ vào giấy vay tiền này.

Khi được bà V bàn giao tiền vay (giao bằng tiền mặt) thì vợ chồng ông Q đã thanh toán khoản vay tại Ngân hàng A và lấy tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa đất số 254 (bà N đang thế chấp tại Ngân hàng A) lấy bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 069445 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho bà Mai Thị Lệ N vào ngày 29/4/2021, thế chấp cho bà V.

Tuy nhiên đến ngày 18/01/2023, ông Q và bà N đã không vay tiền của Ngân hàng B để trả khoản nợ cho bà V như đã cam kết. Bà V đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông Q và bà N vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do vậy bà Lưu Thị Cẩm V đã khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết các nội dung cụ thể như sau:

- Buộc ông Phạm Việt Q và bà Mai Thị Lệ N liên đới trả lại cho bà V, toàn bộ số tiền vay là 1.850.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/01/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử giải quyết vụ án với mức lãi suất là 10%/năm.

- Đồng thời kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử giải quyết vụ án cho đến ngày thực hiện xong việc trả nợ, vợ chồng ông Q và bà N phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, với mức lãi suất 10%/năm cho đến ngày thanh toán trả nợ xong.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Mai Thị Lệ N: đề nghị bà V trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 069445 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận, đối với thửa đất số 254 tờ bản đồ số 11, tại phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận: Bà V công nhận đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, nhưng bà chỉ đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên cho bà N, chỉ khi nào vợ chồng bà N thực hiện xong nghĩa vụ trả khoản tiền vay nêu trên cho bà V.

Về vấn đề bà Mai Thị Lệ N đề nghị bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần: Bà V xác định có đến cơ quan bà N làm việc đòi nợ nhưng bà không gây rối xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà N, nên bà V không đồng ý bồi thường.

Về án phí: Bà V đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật;

2. Bị đơn ông Phạm Việt Q đã được Tòa án tổng đạt các thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của tòa án nhưng ông Q không nộp bản tự khai, bà Mai Thị Lệ N – Đại diện theo ủy quyền của ông Q cũng không nộp bản tự khai. Tại phiên tòa với tư cách Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Việt Q - Bà Mai Thị Lệ N trình bày ý kiến của ông Q như sau:

Ông Phạm Việt Q xác nhận có vay khoản tiền 1.850.000.000 đồng của bà Lưu Thị Cẩm V theo Giấy vay tiền đề ngày 18/01/2023, chữ ký tên phạm V và dấu tay điểm chỉ phần bên vay tại Giấy vay tiền là do ông Q ký tên, điểm chỉ và viết họ tên;

Khoản tiền vay này ông Q vay để tất toán khoản vay tín dụng tại Ngân hàng A – chi nhánh huyện H do bà Trần Thị H (Mẹ ông Q vay), để giải chấp thửa đất số 254 tờ bản đồ số 11, tại phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 069445 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho bà Mai Thị Lệ N vào ngày 29/4/2021. Ông Q xác định: quyền sử dụng thửa đất số 254, tờ bản đồ số 11, tại phường X, thành phố

P, tỉnh Bình Thuận và căn nhà xây dựng trên thửa đất là tài sản riêng của bà N, chứ không phải tài sản chung vợ chồng.

Do vậy ông Q xác định việc vay tiền của bà V là do một mình ông Q vay, không liên quan đến bà N, ông Q sẽ chịu trách nhiệm trả cho bà V khoản tiền vay 1.850.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm như Nguyên đơn đã yêu cầu.

3. Tại bản tự khai, đơn phân tố đề ngày 02/11/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, với tư cách là đồng bị đơn - Bà Mai Thị Lệ N trình bày ý kiến của bà như sau:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 254, tờ bản đồ số 11, tại phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, là tài sản riêng của bà được thừa kế từ cha mẹ bà theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản số công chứng 000411, quyền số 01/2021 ngày 17/3/2021 của Văn phòng C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Sau khi cha mẹ cho đất, bà đã vay tiền Ngân hàng A số tiền 650 triệu đồng (Theo hợp đồng tín dụng số 4811-LAV-202202642 ngày 7/8/2022 mà Tòa án đã thu thập) và bà đã vay thêm tiền của anh em bạn bè, người thân xây nhà trên thửa đất này; Nhà trên thửa đất này cũng là tài sản riêng của bà, tuy nhiên bà và ông Q chỉ thỏa thuận với nhau chứ chưa lập bất kỳ văn bản tài liệu nào thỏa thuận về vấn đề này.

Bà xác nhận có ký kết thế chấp tài sản và nhà đất tại thửa đất này để bảo đảm cho khoản vay tín dụng là 1,8 tỷ đồng của bà Trần Thị H (mẹ chồng của bà) tại Ngân hàng A – chi nhánh huyện H, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 212710552B/HĐTC ngày 04/0/2021 đã được công chứng số 03362, Quyền số 04/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/10/2021 của văn phòng C1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Về việc ông Q vay tiền của bà V theo Giấy vay tiền đề ngày 18/01/2023, bà không biết gì, việc vay tiền này là do một mình ông Q thực hiện. Bà xác định ngày 18/01/2023 Ngân hàng A chi nhánh huyện H có gọi bà đến nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bảo với bà là khoản vay đã được bà H giải ngân, nên trả lại tài sản thế chấp cho bà, bà đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này về nhà cất giữ, nhưng chưa xóa thế chấp. Sau đó ông Q đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thế chấp cho bà V từ lúc nào bà cũng không biết.

Bà không biết bà Lưu Thị Cẩm V là ai và bà cũng chưa từng vay mượn bất cứ khoản tiền nào của bà Lưu Thị Cẩm V, bà cũng không bao giờ giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 069445, cho bà V để vay tiền.

Do vậy bà không đồng ý cùng với ông Phạm Việt Q trả khoản nợ gốc và lãi

theo yêu cầu khởi kiện của bà V.

Đồng thời bà có đơn yêu cầu phản tố hai nội dung:

- Đề nghị bà Lưu Thị Cẩm V phải trả lại bản chính Giấy chứng quyền sử dụng đất số CV 069445 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho bà Mai Thị Lệ N vào ngày 29/4/2021, đối với thửa đất số 254, tờ bản đồ số 11, tại phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

- Bà N yêu cầu bà V bồi thường 30 triệu đồng tiền thiệt hại tổn thất tinh thần, vì vào ngày 07/3/2023 bà V đã gây rối xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà tại cơ quan làm việc của bà - Phòng Tài nguyên Môi trường huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà rút một phần yêu cầu phản tố, chỉ yêu cầu bà Lưu Thị Cẩm V phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần với mức 10 tháng lương cơ sở: 10 tháng x 1.800.000đ = 18 triệu đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã quyết định:

1/ Căn cứ vào các quy định: Điều 357, Điều 463, khoản 01 điều 466, khoản 01 và khoản 02 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 03 Điều 167 Luật Đất đai 2013; Điều 27; Điều 30, khoản 01, khoản 03 điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 01 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án dân sự.

2/ *Tuyên xử:*

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Bà Lưu Thị Cẩm V:

Tuyên buộc ông Phạm Việt Q và bà Mai Thị Lệ N phải liên đới trả lại cho bà Lưu Thị Cẩm V khoản tiền vay theo giấy vay tiền đề ngày 18/01/2023 bao gồm : Tiền gốc: **1.850.000.000đồng** (*Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/01/2023 đến ngày Tòa án giải quyết xét xử sơ thẩm là ngày 29/02/2024 là **200.408.650đồng** (*Hai trăm triệu bốn trăm lẻ tám ngàn sáu trăm năm mươi đồng*); Tổng cộng nợ gốc và lãi ông Q và bà N phải trả cho bà V là **2.050.408.650 đồng** (*Hai tỷ không trăm năm mươi triệu bốn lẻ tám ngàn sáu trăm năm mươi đồng*);

Kể từ ngày 01/3/2024 (Ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2 Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Bị đơn – bà Mai Thị Lệ N: Tuyên buộc bà Lưu Thị Cẩm V phải trả lại cho bà Mai Thị Lệ N: Bản chính giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 069445 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho bà Mai Thị Lệ N vào ngày 29/4/2021, đối với thửa đất số 254, tờ bản đồ số 11, tại phường X , thành phố P , tỉnh Bình Thuận.

2.3 Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Mai Thị Lệ N về vấn đề yêu cầu bà Lưu Thị Cẩm V phải bồi thường tổn thất tinh thần do xúc phạm danh dự nhân phẩm là 18 triệu đồng.

2.4 Về án phí sơ thẩm:

- Ông Phạm Việt Q và bà Mai Thị Lệ N phải nộp số tiền án phí sơ thẩm dân sự là: 73.008.000đồng.

- Bà Lưu thị Cẩm V2 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà V2 đã nộp, hoàn trả lại cho bà Lưu Thị Cẩm V số tiền tạm ứng án phí là 33.450.000đồng, theo biên lai số 0015697 ngày 19/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

- Bà N được miễn án phí đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần danh dự nhân phẩm theo điểm d khoản 01 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả lại cho bà Mai Thị Lệ N số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0001137 ngày 28/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Bị đơn bà Mai Thị Lệ N kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không buộc bà cùng liên đới với ông Q trả nợ cho bà V. Đồng thời chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Bà N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận sau khi phân tích, đánh giá toàn bộ tài liệu, chứng cứ của vụ án và phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước khi nghị án; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bản án có căn cứ pháp luật. Do đó, kháng cáo của bà N là không có căn cứ, đề nghị bác kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy bà Mai Thị Lệ N kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết đúng quy định tại khoản 2, 3, 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Mai Thị Lệ N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn giao nộp là “Giấy vay tiền đề ngày 18/01/2023 (bản photo); sự thừa nhận của bà Mai Thị Lệ N (Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Việt Q), lời khai của người làm chứng Phạm Nguyên K, cùng tài liệu kèm theo và tài liệu chứng cứ do Ngân hàng A – chi nhánh huyện H cung cấp thì có căn cứ xác định: Ngày 18/01/2023, ông Phạm Việt Q đã vay của bà Lưu Thị Cẩm V 1.850.000.000 đồng. Mục đích ông Q vay là nhằm trả bớt khoản vay do bà Trần Thị H (mẹ ông Q) vay tại Ngân hàng A – chi nhánh huyện H để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 254, tờ bản đồ số 11 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV069445 mà bà Mai Thị Lệ N đã thế chấp để đảm bảo khoản vay trước đó của bà Trần Thị H tại Ngân hàng A – chi nhánh huyện H.

Thực tế ngày 18/01/2023, bà Trần Thị H và bà Mai Thị Lệ N đã có mặt tại Ngân hàng A – chi nhánh huyện H để thanh toán số tiền 1.824.000.000 đồng và bà N đã nhận lại Giấy chứng nhận QSDĐ số CV 069445.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập từ Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh B1 bao gồm:

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án/dự án vay vốn đề ngày 17/01/2023;

- Biên bản định giá TSBĐ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 17/01/2023;

- Bảng kê thông tin người có liên quan kèm theo giấy đề nghị cấp tín dụng ngày 17/01/2023;

- Thông báo cấp tín dụng ngày 18/01/2023;

- Hợp đồng tín dụng ngày 18/01/2023;

Các tài liệu trên đều có chữ ký của người đề nghị vay vốn là ông Phạm Việt Q và bà Mai Thị Lệ N; Nội dung thể hiện, ông Q và bà N đã ký tên để vay số tiền 3.500.000.000 đồng và dùng tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 254, tờ bản đồ số 11 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV069445 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho bà Mai Thị Lệ N vào ngày 29/4/2021.

Theo ông K và bà V khai: Khi thực hiện thủ tục trả tiền và tất toán khoản vay tại ngân hàng A vào ngày 18/01/2023 đều có mặt bà N cùng với ông Q, bà V, bà Trần Thị H và ông Phạm Nguyên K.

Như vậy, các tình tiết, sự kiện diễn ra phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn và lời trình bày của người làm chứng ông Phạm Nguyên K, phù hợp với tài liệu thu thập từ ngân hàng A và ngân hàng B2, phù hợp với nội dung Giấy vay tiền đề ngày 18/01/2023. Do đó có căn cứ xác định: Tuy bà N không ký tên vào giấy vay số tiền 1.850.000.000 đồng ngày 18/01/2023 từ bà V nhưng bà N biết rõ và đồng ý việc ông Q vay tiền bà V để trả nợ cho Ngân hàng A, nhằm xóa tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSDĐ số CV 069445 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/4/2021 đứng tên bà Mai Thị Lệ N để vợ chồng bà tiến hành làm thủ tục thế chấp để vay vốn từ Ngân hàng B. Do đó yêu cầu của bà Lưu Thị Cẩm V về việc buộc ông Q và bà N phải liên đới trả khoản nợ 1.850.000.000đ cho bà V theo giấy vay tiền đề ngày 18/01/2023 là có căn cứ.

[2.2] Về tiền lãi:

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng vay tiền không rõ về lãi suất để tính tiền lãi của số tiền vay 1.850.000.000 đồng, từ ngày cho vay 18/01/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, với mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Về yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của bà N đối với bà V: Xét thấy chứng cứ do bà N cung cấp không chứng minh được hành vi của bà V đã gây ra cho bà N những thiệt hại cụ thể gì về danh dự nhân phẩm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố này của bà N là có căn cứ.

Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ; áp dụng pháp

luật để giải quyết vụ án đảm bảo khách quan, có căn cứ pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị Lệ N, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận là đúng pháp luật.

[3] *Về án phí phúc thẩm*: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị Lệ N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

1/ Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, khoản 1 điều 466, khoản 1 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai 2013; Điều 27; Điều 30, khoản 1, khoản 3 điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Bà Lưu Thị Cẩm V:

Buộc ông Phạm Việt Q và bà Mai Thị Lệ N phải liên đới trả lại cho bà Lưu Thị Cẩm V khoản tiền vay theo giấy vay tiền đề ngày 18/01/2023 bao gồm: Tiền gốc: 1.850.000.000đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng chẵn) và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/01/2023 đến ngày Tòa án giải quyết xét xử sơ thẩm là ngày 29/02/2024 là 200.408.650đồng (Hai trăm triệu bốn trăm lẻ tám ngàn sáu trăm năm mươi đồng); Tổng cộng nợ gốc và lãi ông Q và bà N phải trả cho bà V là 2.050.408.650 đồng (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu bốn lẻ tám ngàn sáu trăm năm mươi đồng);

Kể từ ngày 01/3/2024 (Ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2 Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Bị đơn – bà Mai Thị Lệ N:

Buộc bà Lưu Thị Cẩm V phải trả lại cho bà Mai Thị Lệ N: Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 069445 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho bà Mai Thị Lệ N vào ngày 29/4/2021, đối với thửa đất số 254, tờ bản đồ số 11, tại phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2.3 Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Mai Thị Lệ N về việc yêu cầu bà Lưu Thị Cẩm V phải bồi thường tổn thất tinh thần do xúc phạm danh dự nhân phẩm với số tiền 18 triệu đồng.

2.4 Về án phí sơ thẩm:

- Ông Phạm Việt Q và bà Mai Thị Lệ N phải nộp số tiền án phí sơ thẩm dân sự là: 73.008.000đồng.

- Bà Lưu thị Cẩm V2 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà V2 đã nộp, hoàn trả lại cho bà Lưu Thị Cẩm V số tiền tạm ứng án phí là 33.450.000đồng, theo biên lai số 0015697 ngày 19/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

- Bà Mai Thị Lệ N được miễn án phí đối với yêu cầu tiền bồi thường tổn thất tinh thần danh dự nhân phẩm theo điểm d khoản 01 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả lại cho bà Mai Thị Lệ N số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0001137 ngày 28/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

2.5 Về án phí phúc thẩm: Bà Mai Thị Lệ N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng, tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001394 ngày 20/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28/6/2024)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND TP. Phan Thiết;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi Cục THADS TP. Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS; Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hiệu

